

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HS-ST

Ngày: 15-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Khanh

Ông Nguyễn Hoàng Huy

Bà Huỳnh Ngọc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

1. Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

2. Ông Nguyễn Văn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Trần Thanh L**, sinh ngày 23/9/2001, tại tỉnh Tây Ninh. Căn cước công dân số: 72201006585. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Thị Kim X, sinh năm 1977; vợ Nguyễn Tường V, sinh năm 2002; có 02 người con, sinh năm 2019 và sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong Bản án ngày 04/01/2023.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 27/11/2023 của Trưởng Công an xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, xử phạt với số

tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng đồ chơi nguy hiểm bị cấm”. Nộp phạt xong ngày 12/4/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2025 cho đến nay tại Trại giam S1 – Công an tỉnh T, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thanh L:* Luật sư Phan Quang M – Thành viên Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt.

2. **Nguyễn Xuân T**, sinh ngày 19/10/2000, tại tỉnh Tây Ninh. Căn cước công dân số: 072200004515. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957 và bà Đoàn Thị Tuyết H, sinh năm 1957; vợ và con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2026 đến ngày 07/9/2026, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Đặng Ngọc Duy T2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Bảo L1, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Hồng N, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 02/9/2025, bị cáo Nguyễn Xuân T điều khiển xe mô tô biển số 70EA - 061.61 từ nhà đến Khu công nghiệp P làm việc. Khi đến Ngã tư T, thuộc ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh, bị cáo T dừng xe chờ hết tín hiệu đèn đỏ để rẽ trái theo đường Tỉnh lộ 781. Lúc này, bị cáo Trần Thanh L điều khiển xe mô tô biển số 70D1-625.24 lưu thông trên đường D hướng từ ấp T, xã C đến N tư T gặp tín hiệu đèn đỏ nên rẽ phải qua đường Tỉnh lộ 781 để tránh tín hiệu đèn. Bị cáo L điều khiển xe ngang vị trí xe của bị cáo T đang dừng chờ đèn tín hiệu, bị cáo T nhìn theo, nên bị cáo L cho rằng bị cáo T nhìn đều. Bị cáo L điều khiển xe chạy qua khỏi xe của bị cáo T khoảng 50m dừng xe lại quay mặt về hướng bị cáo T hỏi “Mày làm gì nhìn tao giữ vậy”. Bị cáo T quay đầu xe đang dừng đèn đỏ chạy về hướng bị cáo L vừa chạy xe vừa nhìn bị cáo L, bị cáo L hỏi “Mày nhìn tao cái gì, mày định ăn tao hả”, bị cáo T không nói gì và chạy xe qua khỏi vị trí bị cáo L khoảng 50m, bị cáo L điều khiển xe đuổi theo. Bị cáo T quay đầu xe chạy về hướng ngược lại và dừng chờ đèn đỏ tại Ngã 3 T. Bị cáo

L cũng quay đầu xe chạy lại dừng xe cặp bên trái xe của bị cáo T. Bị cáo L hỏi “Giờ mày muốn gì, làm gì nhìn tao dữ vậy”, bị cáo T và bị cáo L xuống xe và dùng tay trái nắm cổ áo bị cáo T, bị cáo T bước xuống xe, bị cáo L dùng tay trái xô vào ngực bị cáo T và dùng tay phải gỡ nón bảo hiểm đang đội. Bị cáo T dùng tay đẩy lại và đánh 01 cái trúng vào vùng cổ của bị cáo L. Bị cáo L cầm nón bảo hiểm trên tay phải đánh lại 01 cái trúng vào nón bảo hiểm của bị cáo T đang đội làm đứt dây nón rớt xuống đường. Sau đó, cả 02 đánh nhau bằng tay trên đường khoảng 02 phút. Bị cáo L bỏ chạy đến cặp hàng rào của Cửa hàng X1 số 116 tại góc đường nhặt một nhánh cây tràm khô dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 01 cm rồi quay lại đánh trúng tay bị cáo T 01 cái làm gãy cây. Các bị cáo L và T tiếp tục đánh nhau qua lại bằng tay. Do đánh không lại bị cáo T nên bị cáo L tiếp tục chạy đến khu vực hàng rào Cửa hàng X1 số 116 nhặt 01 cục đá xanh kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, trọng lượng 1,18kg cầm ra đường để đánh bị cáo T, nhưng được người đi đường can ngăn nên không đánh được và cả 02 đứng gậy gổ trên đường làm cản trở các phương tiện giao thông qua lại, nhiều người đi đường và người dân xung quanh hiếu kỳ tụ tập đứng xem với thời gian hơn 04 phút.

Thời điểm này, bị hại Đặng Ngọc Duy T2 (là anh rể của bị cáo T) điều khiển xe mô tô biển số 70D1-209.07 chạy ngang nhìn thấy bị cáo T và bị cáo Lâm cãi nhau, nên dừng xe đến hỏi chuyện. Bị cáo T kể việc bị bị cáo L kiếm chuyện đánh, bị hại T2 khuyên can các bị cáo L và T. Bị hại T2 bảo bị cáo T chạy xe về trước, bị hại T2 điều khiển chạy xe theo sau. Lúc này, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo L cầm cục đá xanh kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, trọng lượng 1,18 kg đặt lên бага xe, rồi điều khiển xe đuổi theo bị hại T2 trên đường D thuộc ấp T, xã C một đoạn khoảng 950m thì đuổi kịp. Bị cáo L chạy xe vượt lên bên trái của bị hại T2, khi bánh xe trước của bị cáo L vừa tới ngang bánh xe sau của bị hại T2 cách nhau khoảng 01m, bị cáo L cầm cục đá xanh bằng tay phải ném mạnh vào phía sau đầu của bị hại T2, làm cho bị hại T2 ngã sang phải xuống đường bất tỉnh. Bị cáo L điều khiển xe chạy bỏ đi. Sau đó, bị cáo L điện thoại cho các ông Nguyễn Bảo L1 và Huỳnh Hồng N nhờ đến hiện trường đưa bị hại T2 đến Trung tâm Y tế C và Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố H cấp cứu và điều trị đến ngày 15/09/2025 xuất viện. Ngày 05/09/2025, bị cáo L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đầu thú.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 31/KLTTCT-PVPYQG ngày 20 tháng 03 năm 2026 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Đặng Ngọc Duy T2 đã kết luận như sau:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo kích thước nhỏ vùng cằm trái.
- Sẹo kích thước nhỏ vùng đuôi cung mày phải.
- Sẹo mô kích thước nhỏ vùng cổ phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng ô mô ngón 1 bàn chân phải.

- Nhiều vết thay đổi sắc tố da vùng 1/3 dưới cằm, mu bàn tay phải.
- Xuất huyết dưới nhện rải rác thái dương phải đã điều trị, hiện không còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh.
- Tụ máu dưới màng cứng dọc liềm não đã điều trị, hiện không còn hình ảnh tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh.
- Gãy thành xoang hàm phải.
- Gãy cung gò má phải.
- Gãy thành ngoài ổ mắt phải.
- Nứt xương chũm trái dài khoảng 51,5mm.
- Tổn thương không hoàn toàn các rễ thần kinh C4, C5, C6, C7.
- Tổn thương tủy bên trái ngang C4-5; đã đặt dụng cụ cố định qua thân sống C3, C4, C5, hiện gây liệt tay trái mức độ nhẹ.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đặng Ngọc Duy T2 tại thời điểm giám định là: 65%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Kết luận khác:

- Các thương tích trên người của Đặng Ngọc Duy T2 là do vật tày, vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên.

- Thương tích của Đặng Ngọc Duy T2 khi bị xâm hại nếu không được cấp cứu kịp thời sẽ chết hay không? Nếu có thì thương tích nào? Vấn đề này không thuộc lĩnh vực chuyên môn của P tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không có cơ sở trả lời.

Tại Kết luận giám định số 1992/KL-KTHS ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh T đã kết luận như sau:

- Giám định đoạn video gửi giám định được đặt tên "B1", mã MD5: 85F88C8EEE3E952FCE26C5567DSDB926 không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa về mặt nội dung;

- Không đủ cơ sở kết luận tốc độ của 02 (hai) chiếc xe mô tô xuất hiện trong đoạn video gửi giám định liên quan đến vụ việc "giết người" xảy ra ngày 02/9/2025 tại đường D7 đoạn thuộc ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh.

- Mô tả hành động, trang phục, phương tiện của các đối tượng liên quan đến sự việc. Chi tiết bản ảnh kèm theo kết luận giám định.

Tại Kết luận giám định số 189/KL-KTHS ngày 02 tháng 03 năm 2026 của Phòng K Công an tỉnh T đã kết luận như sau: File A1 ký hiệu A1.mp4, mã MD5:

2ABAB2246B3EA6C9CA72A9C0D63A23C7; file A2 ký hiệu A2.mp4, mã MD5: 5B6CC05D8EB3560315A85C136D239DD6; file A3 ký hiệu A3.mp4, mã MD5: 4E1E2B68E3325CC6C43A735AC16EF458 đều không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa về mặt nội dung.

- Nội dung video không được ghi lại liên tục theo thời gian thực. Thường xuyên có các đoạn ghi hình bị ngắt quãng do tính hiệu ghi hình kém.

- Trích xuất hình ảnh từ 03 (ba) tập tin video được đặt tên "A1.mp4", "A2.mp4", "A3.mp4" ra bản ảnh và mô tả hành động, hung khí sử dụng, trang phục, phương tiện, vị trí phương tiện dừng đỗ của 02 đối tượng liên quan đến vụ việc chi tiết bản ảnh giám định kèm theo. Không đủ cơ sở kết luận đối tượng nào thực hiện hành vi đánh trước.

- Không đủ cơ sở kết luận số lượng phương tiện giao thông qua lại trong thời gian 02 (hai) đối tượng dừng, đỗ xe để đánh nhau. Không đủ cơ sở xác định số lượng người tụ tập để xem, can ngăn. Ghi nhận hình ảnh phương tiện giao thông bị cản trở khi lưu thông (chi tiết bản ảnh giám định kèm theo).

Tại Kết luận giám định số 1135/KL-KTHS ngày 15/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh T đã kết luận như sau: Trên 01 cục đá kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường có dính máu người, nhóm máu O, cùng nhóm với nhóm máu của anh Đặng Ngọc Duy T2. Chất màu nâu đỏ thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường là máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu của anh Đặng Ngọc Duy T2.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 03 đĩa DVD chứa video quay lại diễn biến vụ án được đưa vào hồ sơ vụ án; 01 cục đá xanh kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, trọng lượng 1,18kg; 02 chiếc dép nam bên phải và bên trái; 01 mũ bảo hiểm bị vỡ nhiều mảnh.

Tại Bản cáo trạng số 126/CT-VKSTN-P2 ngày 12/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã truy tố: Bị cáo Trần Thanh L về các tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Xuân T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng truy tố. Các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo phạm các tội như trên là đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo. Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội, không bị ai ép cung hay buộc phải khai nhận hành vi phạm tội; các bị cáo đều không có khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng trong hoạt động điều tra và truy tố đối với các bị cáo.

Bị hại ông Đặng Ngọc Duy T2 yêu cầu: Về trách nhiệm dân sự bồi thường tổng số tiền 111.730.000 đồng gồm: (Chi phí nằm viện điều trị, tiền thuê

xe, tiền công người nuôi bệnh, thu nhập bị mất), gia đình bị cáo đã bồi thường trước số tiền 15.000.000 đồng, nên đồng ý khấu trừ lại. Về trách nhiệm hình sự, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo L đồng ý bồi thường toàn bộ về trách nhiệm dân sự theo yêu cầu của người bị hại.

- Người có quyền lợi liên quan ông Trần Văn B trình bày: Ông B là cha của bị cáo L, ông B có bồi thường cho bị hại T2 số tiền 15.000.000 đồng thay cho bị cáo, số tiền này ông B tự nguyện không yêu cầu xem xét buộc bị cáo hoàn trả lại.

Phản tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa, phát biểu luận tội về hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Thanh L phạm các tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”;

- Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Trần Thanh L:

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15 và Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L từ 12 năm tù đến 14 năm tù về tội “Giết người”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo với bị hại.

4. Về xử lý vật chứng:

- Lưu theo hồ sơ vụ án 03 đĩa DVD chứa video quay lại diễn biến vụ án.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 cục đá xanh kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, trọng lượng 1,18kg; 02 chiếc dép nam bên phải và bên trái; 01 mũ bảo hiểm bị vỡ nhiều mảnh.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thanh L trình bày: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo như trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Ngoài ra, Luật sư còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, vì: Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo điện thoại nhờ 02 người bạn đi đến hiện trường đưa bị hại đi cấp cứu; Luật sư còn phân tích thêm về nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội, về hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay khó khăn có 02 người con sinh năm 2019 và sinh năm 2025. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận bổ sung.

- Bị cáo Nguyễn Xuân T và bị hại không tranh luận.

Đôi đáp của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo L phân tích về điều kiện để bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ để chấp nhận, vì: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại T2, bị cáo bỏ mặc hậu quả, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo, người bị hại; người liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng: Xét những người này đã có đầy đủ lời khai, quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét, lời khai nhận của các bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Xuân T tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người bị hại; người liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; Biên bản thu giữ vật chứng; các Kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng:

Các bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Xuân T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Trước đó, giữa bị cáo Trần Thanh L và bị hại Đặng Ngọc Duy T2 không có mâu thuẫn gì với nhau. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/9/2025, tại khu vực đèn tín hiệu giao thông Ngã 3 T thuộc ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh, xuất phát từ việc bị cáo Trần Thanh L cho rằng bị cáo Nguyễn Xuân T nhìn đều, nên có hành vi và lời nói khiêu khích dẫn đến cả hai lao vào đánh nhau, làm cho nhiều người tham gia giao thông hiếu kỳ dừng xe lại xem, gây cản trở giao thông trên đường, gây mất an ninh – trật tự tại địa phương. Sau đó, được bị hại Đặng Ngọc D T2 can ngăn, bị cáo T và bị hại T2 điều khiển xe mô tô đi về. Bị cáo Trần Thanh L không chịu bỏ qua, đã mang theo 01 cục đá xanh có kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm trọng lượng 1,18kg là loại hung khí nguy hiểm dùng xe mô tô truy đuổi theo bị hại T2 đang điều khiển đi một đoạn đường khoảng 950m, bị cáo dùng cục đá ném trúng vào vùng đầu của bị hại, là vùng trọng yếu trên cơ thể người, làm cho bị hại T2 té ngã xuống đường trong lúc đang điều khiển xe mô tô, là nguồn nguy hiểm cao độ. Hậu quả, bị hại T2 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 65%. Việc bị hại không chết là do được cấp cứu kịp thời, ngoài ý thức chủ quan của bị cáo. Do đó: Với các hành vi như trên của bị cáo Trần Thanh L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, với tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất côn đồ” và tội “Gây rối trật tự công cộng” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự; với hành vi như trên của bị cáo Nguyễn Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự và được quy định như sau:

Điều 123. Tội giết người.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

...

n) Có tính chất côn đồ;

...

Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

...

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo phạm các tội như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[4] Tội phạm do các bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt thích đáng đối với từng bị cáo, nhằm đạt mục đích trừng trị riêng đối với bị cáo, mà còn răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[5.1] Đối với bị cáo Trần Thanh L:

- Về tình tiết tăng nặng: Qua xem xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần cho người bị hại 15.000.000 đồng/111.730.000 đồng; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, nuôi con còn nhỏ tuổi, có ông bà là người có công với đất nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị là không có căn cứ để chấp nhận.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T:

- Về tình tiết tăng nặng: Qua xem xét, bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; lần phạm tội này là lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt đối với các bị cáo:

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét tại mục [5], xét thấy: Mức hình phạt và loại hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với từng bị cáo của từng tội danh là phù hợp, nên ghi nhận xem xét.

Đối với bị cáo Trần Thanh L, bị xét xử 02 tội, nên căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: Các Điều 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự, xét: Tại phiên toà bị cáo Trần Thanh L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại Đặng Ngọc Duy T2 với tổng số tiền 111.730.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên ghi nhận. Gia đình bị cáo L đã bồi thường trước số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 96.730.000 đồng, bị cáo L có trách nhiệm tiếp tục bồi thường.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng ông Trần Văn B bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo L, ông B tự nguyện không yêu cầu xem xét buộc bị cáo trả lại cho ông B là hoàn toàn tự nguyện, nên không xét đến.

[8] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, xét:

- Đối với: 03 đĩa DVD chứa video quay lại diễn biến vụ án, đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên cần tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án (đã có trong hồ sơ vụ án).

- Đối với 01 cục đá xanh có kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, trọng lượng 1,18kg, là hung khí dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với: 02 chiếc dép nam bên phải và bên trái; 01 mũ bảo hiểm bị vỡ nhiều mảnh, không ai yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Trần Thanh L phải chịu 4.836.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Từ những căn cứ và nhận định trên: Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ để chấp nhận; những ý kiến, quan điểm của người bào chữa cho bị

cáo, có một phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận để xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh L phạm các tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Trần Thanh L:

- Căn cứ: Điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15 và Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 13 (Mười ba) năm tù về tội “Giết người”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 09 (Chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (Mười ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2025.

Căn cứ: Khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thanh L 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/9/2026 để đảm bảo thi hành án.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 (S) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ: Các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận bị cáo Trần Thanh L có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Đặng Ngọc Duy T2 với tổng số tiền 111.730.000 đồng. Gia đình bị cáo Trần Thanh L đã bồi thường trước số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 96.730.000 đồng, bị cáo Trần Thanh L có trách nhiệm tiếp tục bồi thường.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Lưu theo hồ sơ vụ án: 03 đĩa DVD chứa video quay lại diễn biến vụ án (Đã lưu theo hồ sơ vụ án).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cục đá xanh có kích thước (14,5 x 9,8 x 7) cm, trọng lượng 1,18kg; 02 chiếc dép nam bên phải và bên trái; 01 mũ bảo hiểm bị vỡ nhiều mảnh.

Tất cả đang được bảo quản tại kho vật chứng của Phòng Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh T.

5. Về án phí:

Buộc mỗi bị cáo Trần Thanh L và Nguyễn Xuân T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thanh L nộp 4.836.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TPHCM (01);
- VKSNDTC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (01);
- THADS tỉnh Tây Ninh (01);
- Công an tỉnh Tây Ninh (02);
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm